



Đức Thọ, ngày 28 tháng 6 năm 2019

## BÁO CÁO

**Thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản 6 tháng đầu năm 2019,  
Nhiệm vụ và giải pháp 6 tháng cuối năm 2019**

### I. Tình hình thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản và thu hút nguồn vốn đầu tư 6 tháng năm 2019

#### 1. Tình hình thực hiện kế hoạch và thu hút vốn đầu tư XDCB.

Năm 2019 trong bối cảnh thuận lợi và khó khăn thách thức đan xen, tình hình kinh tế xã hội những tháng đầu năm khởi sắc hơn so với những năm trước. Trên địa bàn toàn huyện việc thực hiện đầu tư xây dựng các công trình theo chương trình xây dựng nông thôn mới triển khai mạnh mẽ, được sự quan tâm của Trung ương, tỉnh, huyện Đức Thọ đã được đầu tư nhiều dự án, công trình trọng điểm trên địa bàn bằng nguồn vốn ngân sách trung ương, tỉnh và nhiều nguồn vốn khác được huy động để tập trung triển khai thi công các dự án cụ thể như sau:

Trong 6 tháng đầu năm tiếp tục thực hiện 38 dự án, trong đó có 22 công trình được chuyển tiếp từ các năm trước và 16 công trình khởi công mới. Tổng mức các dự án thực hiện các dự án với số kinh phí đầu tư 515,991 tỷ đồng; có 08 dự án đầu tư ngân sách Trung ương, tỉnh với kinh phí đầu tư 634 tỷ đồng; 25 dự án ngân sách huyện, xã với kinh phí đầu tư 234,346 tỷ đồng. Trong 6 tháng đầu năm 2019 đã thực hiện giải ngân được 78,945 tỷ đồng trong số vốn được ghi 114,295 tỷ đồng đạt 69,07%.

Một số dự án trọng điểm khởi công mới: Đường giao thông nội vùng xã Đức Hòa; Cải tạo, sửa chữa Khu liên hợp thể thao Trung tâm văn hóa huyện; Đường nối QL8A vào trung tâm xã Đức Thủy; Đường giao thông liên xã Đức La - Đức Quang; Đường giao thông xã Đức Yên; Đường giao thông xã Đức Dũng; Đường và kênh tiêu úng xã Đức Lâm; Cầu Mụ Sự xã Đức Long; ...

Tổng nguồn vốn huy động đầu tư xây dựng nông thôn mới 6 tháng đầu năm 2019 với số tiền 284,418 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách các cấp:	58,749 tỷ đồng;
- Nhân dân đóng góp:	19.606 tỷ đồng;
- Nguồn vốn tín dụng :	8.501 tỷ đồng;
- Nguồn vốn lồng ghép khác:	186,274.tỷ đồng;
- Nguồn vốn doanh nghiệp,	7.500 tỷ đồng;
- Nguồn con em xa quê và vốn khác:	3.788 tỷ đồng;

Để đẩy nhanh tiến độ các công trình trên địa bàn, UBND huyện đã có các cơ chế, chính sách đầu tư hết sức hiệu quả như hỗ trợ xi măng làm giao thông

nông thôn, giao thông nội đồng, kênh mương cứng, hỗ trợ các công trình hạ tầng thiết yếu; tập trung cao cho công tác GPMB các công trình, dự án. Nhìn chung tiến độ triển khai thi công tốt, tuy nhiên một số nguồn vốn đến nay vẫn giải ngân đạt tỷ lệ thấp như: Nguồn vốn hỗ trợ xây dựng nông thôn mới và một số nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ do nguồn được phân bổ về chậm.

## **2. Công tác giải phóng mặt bằng**

Ủy ban nhân dân huyện đã ưu tiên tập trung cho công tác GPMB các công trình trọng điểm như: Đường cao tốc Diễn Châu, Bãi Vọt, Cầu Thọ Tường mới... thu hồi 10.54ha để thực hiện 8 dự án công trình, tổng số tiền đền bù 12,311 tỷ đồng, ảnh hưởng tới 281 hộ dân cư. Công tác giải phóng mặt bằng được quan tâm đã tạo điều kiện cho các dự án triển khai thực hiện nhanh chóng. Các công trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới ở các địa phương diễn ra rầm rộ với phong trào hiến đất, hiến công trình để làm đường.

Tuy nhiên do nhiều dự án lớn triển khai cùng một lúc, khối lượng công việc nhiều, lực lượng mỏng thời gian triển khai gấp rút nên công tác GPMB gặp khó khăn, bên cạnh đó chính sách đền bù chưa phù hợp với mặt bằng thị trường và ngân sách phục vụ đền bù do địa phương đối ứng hạn chế, một số cán bộ nhân dân chưa xác định rõ được lợi ích từ các chương trình dự án mang lại nên chưa có sự đồng thuận cao trong nhân dân, dẫn đến GPMB còn nhiều khó khăn vướng mắc.

## **3. Đánh giá kết quả thực hiện và thu hút nguồn vốn đầu tư XDCB**

a. Đánh giá chung: Tất cả các dự án công trình đã triển khai trên địa bàn cơ bản thực hiện đúng tiến độ thi công, đảm bảo chất lượng tốt. Quy trình thực hiện từ khâu lập dự án trình thẩm định phê duyệt, đến đấu thầu, tổ chức thi công và giải ngân thực hiện theo đúng Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn luật của Chính phủ. Công tác giám sát thi công được thực hiện chặt chẽ đặc biệt là có sự giám sát của Ban Kinh tế - Xã hội của HĐND huyện vừa qua nên giảm được rất lớn tình trạng thất thoát lãng phí trong đầu tư XDCB.

Tuy vậy công tác GPMB để triển khai xây dựng các dự án còn chậm, không đồng bộ, một số địa phương chưa tập trung chỉ đạo quyết liệt, có biểu hiện ngại va chạm, đùn đẩy, né tránh, nguồn ngân sách để chi trả đền bù gặp khó khăn đã làm chậm tiến độ thi công và giải ngân nguồn vốn đầu tư công trình. Một số đơn vị thi công năng lực yếu kém, thiếu vốn, nguồn nhân lực hạn chế, thi công cầm chừng chưa tập trung quyết liệt việc triển khai thực hiện dự án; năng lực quản lý XDCB của một số chủ đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Việc cập nhật các quy định mới chưa kịp thời, dẫn đến lúng túng trong triển khai, giá cả vật tư biến động đã làm ảnh hưởng tiến độ thi công các công trình. Thủ tục hồ sơ quyết toán, giải ngân theo quy định còn rườm rà, vai trò giám sát cộng đồng có nơi còn hình thức, thiếu chiều sâu và chuyên môn. Công tác kiểm tra, thanh tra của các cơ quan quản lý nhà nước chưa đáp ứng yêu cầu.

b. Nguyên nhân:

- Khách quan:

+ Do tình hình kinh tế phục hồi chậm dẫn đến khó khăn cho doanh nghiệp trong việc tiếp cận vốn vay, nợ XDCB tăng đã tác động lớn đến công tác triển khai thi công. Bên cạnh đó chủ trương tái cơ cấu đầu tư, cắt giảm đầu tư công làm cho nguồn vốn đầu tư hết sức khó khăn.

+ Các quy định về quy trình, thủ tục trong công tác quản lý đầu tư xây dựng còn phức tạp, thường xuyên thay đổi, thiếu thống nhất, gây khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện, thủ tục hành chính ở một số khâu còn rườm rà, phức tạp.

- Chủ quan:

+ Trách nhiệm của các chủ đầu tư còn thấp, một số chủ đầu tư năng lực yếu kém, chưa tập trung chỉ đạo, đôn đốc và kiểm tra tiến độ triển khai dự án thường xuyên, có lúc khoán trắng cho đơn vị thi công và đơn vị tư vấn.

+ Một số dự án do đơn vị tư vấn thiếu trách nhiệm hạn chế về năng lực nên chất lượng hồ sơ thấp, quá trình thực hiện phải điều chỉnh, bổ sung nhiều lần, dẫn đến kéo dài thời gian, làm chậm tiến độ. Một số nhà thầu thiếu tập trung, phương tiện, máy móc, nhân lực nên thực hiện dự án thi công kéo dài.

- Công tác thanh tra, kiểm tra của các cấp chính quyền và cơ quan quản lý nhà nước về XDCB hiệu quả chưa cao, việc xử lý trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức liên quan chưa cụ thể và kiên quyết. Đặc biệt là công tác giám sát và quản lý giám sát của Ban quản lý dự án công trình còn buông lỏng, dẫn đến công trình chậm tiến độ, chất lượng kém.

c. Công tác thu hút nguồn đầu tư XDCB trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2019 là 114,295 tỷ đồng, tuy nhiên so với nhu cầu về vốn của các xã và để xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới đang còn hạn chế.

Trong thời gian tới cần tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền huyện và các ngành chuyên môn có cơ chế hợp lý và bố trí nguồn ngân sách đầy đủ, để phục vụ cho công tác đối ngoại thu hút nguồn vốn đầu tư. Khuyến khích tạo điều kiện cho các xã, thị trấn, các ngành về mặt chủ trương cũng như hồ sơ thủ tục để mời gọi thu hút các chương trình dự án về trên địa bàn.

## **II. Tình hình nợ tồn đọng XDCB trong 6 tháng năm 2019**

Trong thời gian qua đã tập trung quyết liệt cho chương trình xây dựng nông thôn mới, tình hình đầu tư xây dựng các công trình trên địa bàn huyện đạt kết quả tốt, đã tạo được cảnh quan, kiến trúc đẹp, đáp ứng nhu cầu đời sống sinh hoạt, hạ tầng nông thôn như trụ sở, trường học, trạm xá, đường giao thông, điện sinh hoạt,... Tuy nhiên hiện nay các xã, thị trấn còn nợ xây dựng cơ bản 6 tháng đầu năm 2019 là : 55,8 tỷ đồng trong đó có: Xã Thái Yên nợ trên 8 tỷ đồng; Xã Đức Thanh nợ trên 7 tỷ đồng; xã Đức Nhân nợ trên 6 tỷ đồng; xã Đức Dũng nợ trên 4 tỷ đồng; Xã Đức Long, Đức Thịnh, Thị trấn nợ trên 2 tỷ đồng; xã Đức Lạng, Đức Đồng, Đức Lạc, Đức Lâm, Trung Lễ, Đức Thủy, Đức Yên, Trường Sơn, Liên Minh, Đức Tùng, Đức Quang nợ trên 1 tỷ đồng, có xã Đức Hòa, Tùng Ảnh, Tân Hương hiện không còn nợ Xây dựng cơ bản, các xã còn lại nợ dưới 1 tỷ đồng (có biểu kèm theo).

Công trình do Ban Quản lý dự án huyện đại diện là chủ đầu tư còn nợ có 51 công trình tổng số nợ 126,450 tỷ đồng bao gồm: Các công trình đã phê duyệt quyết toán 09 công trình; Công trình hoàn thành còn nợ đơn vị thi công của 11 công trình; Công trình đang triển khai thi công đã có khối lượng nghiệm 31 công trình.

Trong 6 tháng đầu năm 2019 đã thẩm tra quyết toán được 13 công trình trong đó đã cắt giảm được 623,520 triệu đồng so với giá trị A-B đề nghị quyết toán.

### **III. Một số nhiệm vụ giải pháp tổ chức thực hiện trong 6 tháng cuối năm 2019.**

Triển khai kế hoạch đầu tư năm 2019 trong điều kiện gặp khó khăn do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, Chính phủ đẩy mạnh thắt chặt tiền tệ và cải cách đầu tư công, các cấp các ngành cần tập trung chỉ đạo tiếp tục thực hiện nghiêm túc việc tăng cường quản lý đầu tư từ nguồn vốn ngân sách, nguồn thu đầu tư tiền đất, tích cực tập trung, xử lý dứt điểm tình trạng nợ đọng trong XDCB theo tinh thần Chỉ thị số 1792/CT-TTg và Chỉ thị 27/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, tập trung ưu tiên các nguồn vốn đầu tư cho các chính sách phát triển, đầu tư cho hoạt động sản xuất vật chất triển khai công trình xây dựng nông thôn mới. Vì vậy UBND huyện đề ra một số giải pháp để thực hiện nhiệm phát triển đầu tư 6 tháng cuối năm 2019 cụ thể như sau:

1. Huy động tối đa nguồn lực của các doanh nghiệp, nhân dân và nguồn vốn hỗ trợ khác để lồng ghép cùng với vốn đầu tư của ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng hạ tầng nông thôn mới. Đa dạng hóa hình thức đầu tư như nhà nước và nhân dân cùng làm, hình thức đầu tư công tư kết hợp.

2. Các chủ đầu tư cần tập trung cao độ, quyết liệt đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, đang triển khai thi công dở dang đảm bảo giải ngân nhanh các nguồn vốn đã được bố trí trong năm.

4. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền huyện cho công tác đầu tư xây dựng các công trình dự án về trên địa bàn. Tập trung các công trình dự án nông thôn mới. Đồng thời tập trung quan tâm đến công tác GPMB các công trình dự án. Đặc biệt là sự vào cuộc quyết liệt của các tổ chức ban ngành, đoàn thể trong công tác vận động quần chúng, hiến đất, hiến tài sản để GPMB.

5. Tiếp tục củng cố nâng cao năng lực các cơ quan quản lý nhà nước về công tác đầu tư XDCB, các chủ đầu tư, Ban QLDA theo quy định của luật. Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước huyện, xã về đầu tư và xây dựng, các tổ chức cá nhân tham gia hoạt động tư vấn xây dựng. Các chủ đầu tư tập trung quyết toán vốn đầu tư các công trình hoàn thành trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, đặc biệt là các công trình nông thôn mới được phân cấp quản lý đầu tư cho các xã, thị trấn, xử lý nghiêm các chủ đầu tư chậm quyết toán.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trên tất cả các khâu trong hoạt động XDCB từ lập dự án, thẩm định, phê duyệt đến tổ chức đấu thầu và triển khai dự án. Chấn chỉnh hoạt động các đơn vị tư vấn, đơn vị xây lắp trên địa bàn, tập trung vào các khâu khảo sát, tư vấn lập dự án và kiểm soát chất lượng thi công. Phòng Kinh tế - Hạ tầng cần đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm định, giám sát chất lượng các công trình thuộc phạm vi quản lý của ngành trên địa bàn.

6. Tăng cường công tác quản lý đầu tư XDCB từ khâu lập hồ sơ ban đầu của các chủ đầu tư đến quá trình triển khai thi công định kỳ phải báo cáo giám sát đánh giá các dự án đầu tư, gửi về UBND huyện để tổng hợp theo dõi, thường xuyên kiểm tra, giám sát phát hiện kịp thời các sai sót trong đầu tư xây dựng, xử lý nghiêm các chủ đầu tư, nhà thầu, cán bộ giám sát gây thất thoát, lãng phí trong đầu tư XDCB. Các xã, thị trấn cần tăng cường huy động nội lực trong dân từ nguồn đóng góp tự nguyện, đồng thời tăng cường đối ngoại tìm kiếm nguồn vốn cấp trên và các tổ chức khác bên ngoài. Tăng thu ngân sách từ mọi nguồn, nhất là đấu giá đất để lấy nguồn trả nợ XDCB và đầu tư xây dựng các công trình theo lộ trình quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

- Đối với các xã, thị trấn có nợ XDCB lớn không được phê duyệt đầu tư xây dựng mới các công trình, tạm dừng đầu tư xây dựng trong năm để tập trung trả nợ, đồng thời xây dựng lộ trình kế hoạch trả nợ hàng năm.

Trên đây là báo cáo về tình hình thực hiện nhiệm vụ đầu tư xây dựng cơ bản 6 tháng đầu năm 2019 và kế hoạch, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2019 của huyện Đức Thọ. /.

*Nơi nhận:*

- TT Huyện ủy - HĐND huyện;
- Các đ/c UV BTV Huyện ủy;
- UBMTTQ và các đoàn thể;
- Các phòng, ban UBND huyện;
- Văn phòng Cấp ủy Chính quyền huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VP/UBND.

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**



TT	Tên đơn vị, công trình	Dự toán được phê duyệt	Số Quyết định phê duyệt BCKTKT	Thời gian KC-HT	Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B	Giá trị quyết toán công trình được phê duyệt	Số QĐ Quyết toán công trình (Nếu có)	Tổng nợ XD CB			Số tiền đã trả nợ các công trình XD CB 6 tháng năm 2019	Số tiền còn nợ XD CB đến tháng 30/6/2019
								Tổng số	Nợ XD CB trước ngày 31/12/2018	Nợ phát sinh trong năm 2019		
I	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9	10=6-9			
	<b>TỔNG CỘNG</b>	546,018	0	56,462	344,197	255,926	0	79,414	65,116	14,298	24,383	55,031
I	Thị trấn Đức Thọ	120,994			0	108,017		2,764	2,764	0	259	2,505
	Nhà học 8 phòng 2 tầng Trường THCS Yên Trung	2,138	Số 84 15/11/2008			1,909	Số 110 06/12/2012	38	38			38
	Các hạng mục phụ trợ UBND Thị trấn	610	Số 827 15/12/2003	2004		699	Số 46 21/11/2011	249	249			249
	XD hội trường 320 chỗ	1,895	Số 62 10/8/2008	2008 2009		1,737		26	26			26
	Lát gạch Blooc	732	Số 2149 12/12/2015			671	Số 4153 01/12/2011	87	87			87
	Sân, đường, bồn hoa trường Cấp 1	76	Số 279 02/02/2018			74		72	72			72
	Nhà học 01 trường MN	105				94		94	94			94

TT	Tên đơn vị, công trình	Dự toán được phê duyệt	Số Quyết định phê duyệt BCKTKT	Thời gian KC-HT	Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B	Giá trị quyết toán công trình được phê duyệt	Số QĐ Quyết toán công trình (Nếu có)	Tổng nợ XD/CB				Số tiền đã trả nợ các công trình XD/CB 6 tháng năm 2019	Số tiền còn nợ XD/CB đến tháng 30/6/2019
								Tổng số	Trong đó		Số tiền đã trả nợ các công trình XD/CB 6 tháng năm 2019		
									Nợ XD/CB trước ngày 31/12/2018	Nợ phát sinh trong năm 2019			
	3 tuyến đường bê tông nông thôn	775		2009		632	Số 02 04/01/2012	29	29			29	
	Đường BT vào cổng trường cấp 1	814	Số 65 26/7/2010	2010		673	Số 95 26/12/2017	24	24			24	
	XD chợ Hóm	37,754	Số 2222 08/11/2005	2013		35,616	Số 3488 08/9/2015	35	35			35	
	Nhà VP trường MN mới	3,739	Số 31 19/4/2012	2012		3,277	Số 87 16/12/2015	11	11			11	
	Đường GT nội thị Thị trấn	32,047	Số 60 21/01/2013	2011 2013		27,622	Số 7682 28/12/2017	814	814			814	
	Đắp nền đường, cấp nước Nhà Lay	3,009	Số 24 10/2/2012	2012		2,569	Số 69 29/8/2017	35	35			35	
	Mương thoát nước, cống qua đường Nhà Lay	3,031	Số 103 22/6/2012	2012		2,475	Số 68 29/8/2017	54	54			54	



TT	Tên đơn vị, công trình	Dự toán được phê duyệt	Số Quyết định phê duyệt BCKTKT	Thời gian KC-HT	Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B	Giá trị quyết toán công trình phê duyệt	Số QĐ Quyết toán công trình (Nếu có)	Tổng nợ XDCB			Số tiền đã trả nợ các công trình XDCB 6 tháng năm 2019	Số tiền còn nợ XDCB đến tháng 30/6/2019
								Tổng số	Trong đó			
									Nợ XDCB trước ngày 31/12/2018	Nợ phát sinh trong năm 2019		
	Đường GT nội thị tuyến các công trình trên tuyến	1,130	Số 52 05/11/2013	2013 2014		1,004		30	30			30
	Trụ sở UBND Thị	1,992	Số 827 15/12/2003	2004 2005		1,911	Số 1191 12/5/2008	46	46			46
	Nhà học bộ môn Trường THCS Yên Trấn	3,722	Số 76 28/5/2012			3,289	Số 98 26/12/2017	17	17			17
	Nhà học kiêm mùa nhạc trường MN	5,490	Số 120 24/10/2013	2013 2014		4,521	Số 104 26/12/2017	104	104		68	36
	Đường GT ven Chợ Hóm	1,064	Số 87 16/10/2013	2013		946	Số 66 23/8/2017	54	54			54
	Mương tiêu úng K 1, 2, 3, 5 (Đoạn 1)	2,897	Số 12 20/9/2012	2013		2,449	Số 102 26/12/2017	60	60			60
	Mương tiêu úng K 1, 2, 3, 5 (Đoạn 2)	2,857	Số 144 22/10/2012	2012 2014		2,370	Số 103 26/12/2017	429	429			429

TT	Tên đơn vị, công trình	Dự toán được phê duyệt	Số Quyết định phê duyệt BCKTKT	Thời gian KC-HT	Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B	Giá trị quyết toán công trình phê duyệt	Số QĐ Quyết toán công trình (Nếu có)	Tổng nợ XD/CB			Số tiền đã trả nợ các công trình XD/CB 6 tháng năm 2019	Số tiền còn nợ XD/CB đến tháng 30/6/2019
								Tổng số	Trong đó			
									Nợ XD/CB trước ngày 31/12/2018	Nợ phát sinh trong năm 2019		
	Nhà học số 3 trường MN	4,783	Số 62 6/11/2012	2012 2013		4,495		128	128		79	49
	Nhà văn phòng trường tiểu học Thị trấn	3,074	Số 2137 05/12/2012	2012 2014		2,635	Số 6353 28/10/2015	12	12			12
	Đường QH TDP 1	349	Số 98 30/12/2015	2016		281	Số 94 21/12/2017	7	7			7
	Hạ tầng sân, vườn, Trường MN	2,947	Số 2716 19/6/2014	2014		2,627	Số 2889 29/6/2018	154	154		112	42
	Nâng cấp, cải tạo khuôn viên Trường THCS	484	Số 25 19/3/2013	2013		451	Số 99 26/12/2017	15	15			15
	Sân bóng trường tiểu học thị trấn, đắp đất đường GTNT xóm 1,2	1,449	Số 135 31/12/2012	2012		1,129	Số 67 29/8/2017	9	9			9
	Đường dây 0,4Kv xóm 6 Thị trấn	454	Số 48 21/5/2009	2009		413		21	21			21
	Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc 3 tầng, nhà hội trường, nhà công an và hàng rào trụ sở xã	734	Số 46 22/5/2017	2017		605		7	7			7

TT	Tên đơn vị, công trình	Dự toán được phê duyệt	Số Quyết định phê duyệt BCKTKT	Thời gian KC-HT	Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B	Giá trị quyết toán công trình phê duyệt	Số QĐ Quyết toán công trình (Nếu có)	Tổng nợ XDCB			Số tiền đã trả nợ các công trình XDCB 6 tháng năm 2019	Số tiền còn nợ XDCB đến tháng 30/6/2019
								Tổng số	Trong đó			
									Nợ XDCB trước ngày 31/12/2018	Nợ phát sinh trong năm 2019		
	Trường MN khu vực II	843				843		103	103			103
II	<b>Đức Lạng</b>	<b>8,363</b>			<b>6,221</b>	<b>5,202</b>	<b>0</b>	<b>1,307</b>	<b>1,307</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1,307</b>
	Nhà văn hóa xã	2,254		2011 2012	2,182	2,154		28	28			28
	Khuôn viên UBND xã	2,763		2013 2013	2,218	2,029		189	189			189
	Nâng cấp sân vận động trung tâm	2,809		2014 2015	1,463	696		767	767			767
	Sửa chữa, nâng cấp	537		2018 2018	358	323		323	323			323
III	<b>Xã Lạc Yên</b>	<b>29,235</b>			<b>21,678</b>	<b>0</b>		<b>1,981</b>	<b>1,981</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1,981</b>
	Trường mầm non	4,978	Số 118 06/02/2007	2007	4,619			140	140			140
	Trường tiểu học	2,078	Số 26 06/5/2011	2011	1,987			161	161			161
	Nâng cấp sân vận động trung tâm	578			578			66	66			66
	Đắp đất nền đường khu tái định cư	870			870			106	106			106
	Nâng cấp trường tiểu học	705			589			44	44			44
	Đắp đường TTT, Lò gạch	655			656			169	169			169
	Di dời đường điện	1,189			1,190			52	52			52
	Đường GTNT Yên Liên	5,150	Số 19 05/6/2012	2012	3,560			131	131			131
	Đường GTNT Yên Long	4,349	Số 6 27/6/2012	2012	2,150			252	252			252
	Đường GTNT tuyến ông Cầm	3,534	Số 33 17/10/2012	2013	1,474			233	233			233

TT	Tên đơn vị, công trình	Dự toán được phê duyệt	Số Quyết định phê duyệt BCKTKT	Thời gian KC-HT	Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B	Giá trị quyết toán công trình được phê duyệt	Số QĐ Quyết toán công trình (Nếu có)	Tổng nợ XD/CB					Số tiền đã trả nợ các công trình XD/CB 6 tháng năm 2019	Số tiền còn lại XD/CB đến tháng 30/6/2019
								Tổng số	Trong đó		Số tiền sinh trong năm 2019	Số tiền đã trả nợ các công trình XD/CB 6 tháng năm 2019		
									Nợ XD/CB trước ngày 31/12/2018	Nợ phát sinh trong năm 2019				
	Đường GTNT tuyến I Bà Trầy	2.978	Số 30 12/10/2012	2013	1.861			239	239			239		
	Đường vào lò giết mổ tập trung	298		2014	298			48	48			48		
	Trạm bơm Yên Long	509		2014	509			108	108			108		
	Đường HTX Yên Long 2a	1.047	Số 16 24/12/2012	2013	1.020			221	221			221		
	Đường GTNT tuyến I	317		2012	317			11	11			11		
IV	<b>Xã Đức Quang</b>	<b>6,112</b>						<b>1,341</b>	<b>1,341</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1,341</b>		
	Nhà văn hóa xã (200 chỗ)	2,200		2013 2014				67	67			67		
	Nhà truyền thống 1 cửa	931		2015 2015				58	58			58		
	Nâng cấp khuôn viên trụ sở	802		2015 2015				49	49			49		
	Nâng cấp trụ sở làm việc	671		2014 2014				59	59			59		
	Nâng cấp khuôn viên trạm y tế	276		2018 2018				126	126			126		
	Nhà giao dịch thẻ chất	332		2018 2018				82	82			82		
	Phòng ngư trường Mầm non	650		2018 2018				650	650			650		
	Nhà vệ sinh trụ sở	250		2018 2018				250	250			250		
V	<b>Xã Liên Minh</b>	<b>6,030</b>			<b>4,815</b>	<b>1,302</b>	<b>0</b>	<b>1,310</b>	<b>1,014</b>	<b>296</b>	<b>150</b>	<b>1,060</b>		
I	Trụ sở UBND xã Liên Minh. Hạng mục: hội trường 250 chỗ	2,653	Số 279 02/02/2018 UBND huyện	2018 2019	2,086			862	566	296	150	712		

TT	Tên đơn vị, công trình	Dự toán được phê duyệt	Số Quyết định phê duyệt BCKTKT	Thời gian KC-HT	Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B	Giá trị quyết toán công trình phê duyệt	Số QĐ Quyết toán công trình (Nếu có)	Tổng nợ XD/CB			Số tiền đã trả nợ các công trình XD/CB 6 tháng năm 2019	Số tiền còn nợ XD/CB đến tháng 30/6/2019
								Tổng số	Nợ XD/CB trước ngày 31/12/2018	Nợ phát sinh trong năm 2019		
2	Trụ sở UBND xã Liên Minh. Hạng mục: Nhà giao dịch một cửa, nhà vệ sinh	609	Số 02 02/01/2019	2019	482							0
3	Trụ sở UBND xã Liên Minh. Hạng mục: Cải tạo nhà làm việc	1,155	Số 4568 31/7/2017 UBND huyện	2017	968			255	255			255
4	Nhà văn hóa thôn Thọ Tường	1,264	Số 03 3/3/2014	2014	998		Số 05 31/8/2017	79	79			79
5	Cải tạo, nâng cấp nhà bia tường niêm liệt sỹ	349	Số 28 16/5/2018	2018	281			114	114			14
VI	<b>Xã Đức Đồng</b>	<b>17,387</b>			<b>2,767</b>	<b>12,697</b>	<b>0</b>	<b>1,767</b>	<b>1,767</b>	<b>0</b>	<b>185</b>	<b>1,582</b>
	Nâng cấp nhà làm việc trụ sở 2 tầng thành 3 tầng	1,186	Xã	210		1,023		22	22			22
	Đường từ trung tâm vào Liên Sơn	1,439	Số 10 10/8/2011 huyện	2011		1,371		272	272			272
	Hàng rào Trường tiểu học xã Đức Đồng	104	Xã	2012		99		37	37			37
	Nâng cấp nhà văn phòng 1 tầng thành 2 tầng Trường mầm non	1,888	Số 56 23/5/2014 xã	2014	1,852			334	334			334
	Nhà làm việc 2 tầng và hạng mục phụ trợ trạm y tế	3,836	Số 114 năm 2015 Tỉnh	2015 2016		3,231		147	147			147
	Vườn thuốc nam trạm y tế	190	Số 259 12/10/2016 xã	2016		159		21	21			21

TT	Tên đơn vị, công trình	Dự toán được phê duyệt	Số Quyết định phê duyệt BCKTKT	Thời gian KC-HT	Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B	Giá trị quyết toán công trình được phê duyệt	Số QĐ Quyết toán công trình (Nếu có)	Tổng nợ XD/CB			Số tiền đã trả nợ các công trình XD/CB 6 tháng năm 2019	Số tiền còn nợ XD/CB đến tháng 30/6/2019
								Tổng số	Nợ XD/CB trước ngày 31/12/2018	Nợ phát sinh trong năm 2019		
	Khuôn viên trạm y tế	333	Số 36 26/4/2016 của xã	2016		276		29	29			29
	Đường GTND xã D.Đông năm 2016	4,688	Số 455 ngày 03/3/2016	2016		4,086		109	109			109
	Nhà vệ sinh trường 'Đông Lạng'	300	Số 163 ngày 05/9/2017	2017		280		40	40			40
	Đường GTND năm 2017	1,208	Số 7198 ngày 26/10/2016 huyện	2017		1,048		224	224			224
	Cải tạo trường tiểu học Đức Đông. Hàng mục: Cổng, hàng rào sân trường	1,191	Số 10947 ngày 31/10/2016 huyện	2017		1,124		217	217			217
	Đường GTNT thôn Đông Tâm xã Đức Đông	1,024	Số 69 ngày 14/11/2018 xã	2018	915			315	315		185	130
VII	Xã Thái Yên	101,007	0	0	76,423	37,413	0	11,211	7,011	4,200	3,000	8,211
	Trạm y tế xã	8,875			4,560			114	114			114
	Trường mầm non (San nền, hàng rào, cổng)	8,429			6,511			359	359			359
	Trường mầm non (Nhà hiệu bộ)	13,254			8,319			419	419			419

TT	Tên đơn vị, công trình	Dự toán được phê duyệt	Số Quyết định phê duyệt BCKTKT	Thời gian KC-HT	Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B	Giá trị quyết toán công trình trình được phê duyệt	Số QĐ Quyết toán công trình (Nếu có)	Tổng nợ XDCB			Số tiền đã trả nợ các công trình XDCB 6 tháng năm 2019	Số tiền còn nợ XDCB đến tháng 30/6/2019
								Tổng số	Trong đó			
									Nợ XDCB trước ngày 31/12/2018	Nợ phát sinh trong năm 2019		
	Trường THCS Bình Thịnh ( Nhà thư viện, tổ bộ môn)	2,658			2,350	2,350		250	250		250	250
	Trường mầm non ( Nhà bếp, nhà ăn, hệ thống hạ tầng Kỹ thuật)	4,109			3,763			1,782	1,782		1,782	1,782
	Trường tiểu học ( Nhà giáo dục thể chất)	879			777	777		354	354		354	354
	Trường tiểu học (Nhà bếp, nhà ăn)	652			635	635		79	79		79	79
	Khu hạ tầng làng nghề	33,857			30,825	30,825		341	341		341	341
	Trường THCS Bình Thịnh ( Hàng rào, bồn hoa, sân)	357			287	287		94	94		94	94
	Chợ GĐ 1 (Dãy nhà số 4, đường bê tông, công chính)	617			498	498		155	155		155	155
	Trường tiểu học ( nhà học 1 tầng thành 2 tầng)	1,875			1,540	1,540		80	80		80	80
	Khu trung tâm văn hóa xã	14,370			6,425			5,625	1,425	4,200	3,000	2,625
	Nạo vét hồ cá	528			312	298		298	298		298	298
	Nâng cấp nhà bia liệt sỹ	534			433	203		203	203		203	203
	Trường mầm non xã Thái Yên. Hàng mục: Nhà học 2 tầng 8 phòng	10,013			9,188			1,058	1,058		1,058	1,058
VIII	Xã Đức Thịnh	27,034			22,765			7,616	7,616	0	4,910	2,706

TT	Tên đơn vị, công trình	Dự toán được phê duyệt	Số Quyết định phê duyệt BCKTKT	Thời gian KC-HTT	Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B	Giá trị quyết toán công trình được phê duyệt	Số QĐ Quyết toán công trình (Nếu có)	Tổng nợ XDCB				Số tiền đã trả nợ các công trình XDCB 6 tháng năm 2019	Số tiền còn nợ XDCB đến tháng 30/6/2019
								Tổng số	Trong đó		Số tiền đã trả nợ các công trình XDCB 6 tháng năm 2019		
									Nợ XDCB trước ngày 31/12/2018	Nợ phát sinh trong năm 2019			
	Đường GTNT thôn Quang Tiến	5,003			4,911			101	101			101	
	Đường GTNT Giai đoạn III	1,535			3,764			1,864	1,864			1,470	994
	Nhà HC 2 tầng 10 phòng Trường tiểu học	4,275			3,399			1,463	1,463			1,292	171
	Khuôn viên trường tiểu học	875			806			255	255			200	55
	Sân vận động xã	4,275			740			495	495			200	295
	Khuôn viên trường Mầm non	911			676			176	176				176
	Cải tạo trường MN ( Vườn, sân, muông, nhà để xe)	1,047			853			64	64				64
	Cải tạo trường MN ( Nhà y tế thành hội trường)	947			863			43	43				43
	Cải tạo nhà học 2 phòng, 5 phòng Trường MN	1,034			948			58	58				58
	Cải tạo trụ sở UBND xã ( Nhà thư viện, hồ nước)	580			557			122	122				122
	Sân vận động xã và các hạng mục phụ trợ	1,037			809			76	76				76
	Khuôn viên trường MN	911			809			258	258			198	60
	Mở rộng nghĩa trang cấp bằng Ô ga	1,115			993			993	993			587	406



TT	Tên đơn vị, công trình	Dự toán được phê duyệt	Số Quyết định phê duyệt BCKTKT	Thời gian KC-HT	Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B	Giá trị quyết toán công trình phê duyệt	Số QĐ Quyết toán công trình (Nếu có)	Tổng nợ XD CB			Số tiền đã trả nợ các công trình XD CB 6 tháng năm 2019	Số tiền còn nợ XD CB đến tháng 30/6/2019
								Tổng số	Trong đó			
									Nợ XD CB trước ngày 31/12/2018	Nợ phát sinh trong năm 2019		
	Đắp đất nền đường KDC gói 1	771			386			81	81			81
	Đắp đất nền đường KDC gói 2	1,177			876			192	192			192
	Hạ tầng kỹ thuật đất ở Đò Trai - Liên Tỉnh	822			733			733	733	•	534	199
	Hạ tầng kỹ thuật đất ở thôn Quyết Tiến	719			642			642	642		429	213
IX	Xã Đức Nhân	41,481			35,852	9,264		10,866	6,090	4,776	4,326	6,540
	Cải tạo, nâng cấp nhà Thánh hạng mục: San nền, công, hàng rào, sân lát và nhà gỗ	915	Số 25 23/4/2018 Xã	2018	708	708	Số 12 8/4/2018 Xã	366	366		92	274
	Nâng cấp cải tạo Đài tưởng niệm liệt sỹ	1,126	Số 67 08/8/2018 Xã	2018	983			474		474		474
	Chỉnh trang các tuyến đường thôn xóm	222	Số 85 30/10/2017 Xã	2017	215			22		22		22
	Đường giao thông vào trường mầm non, trường tiểu học	1,071	Số 5901 28/9/2017 huyện	2018	922			42		42		42
	Đường GTND thôn Khang Ninh (NĐ 2)	1,078	Số 6156 10/10/2017 huyện	2018	883			143		143		143
	Đường GTND thôn Khang Ninh (NĐ 2). Hạng mục: Lề, mặt đường	1,075	Số 5998 02/10/2017 Huyện	2018	929			117		117	27	90

TT	Tên đơn vị, công trình	Dự toán được phê duyệt	Số Quyết định phê duyệt BCKTKT	Thời gian KC-HT	Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B	Giá trị quyết toán công trình được phê duyệt	Số QĐ Quyết toán công trình (Nếu có)	Tổng nợ XD/CB				Số tiền đã trả nợ các công trình XD/CB 6 tháng năm 2019	Số tiền còn nợ XD/CB đến tháng 30/6/2019
								Tổng số	Trong đó		Số tiền đã trả nợ các công trình XD/CB 6 tháng năm 2019		
									Nợ XD/CB trước ngày 31/12/2018	Nợ phát sinh trong năm 2019			
	Đường GTND thôn Khang Ninh (ND 3) hạng mục lẻ, mặt đường	1,200	Số 6058 04/10/2017 Huyện	2018	1,035			185		185		85	
	Đường GTND thôn Phú Quý, hạng mục lẻ, mặt đường	1,137	Số 6060 04/10/2017 Huyện	2018	940			440		440		440	
	Đường vào nghĩa trang xã Đức Nhân	155	Số 74 25/5/2017 Xã	2017	124			14		14		14	
	Nâng cấp cải tạo trường MN	980	Số 5601 05/9/2017 Huyện	2018	870			570		570		450	120
	Cải tạo trường tiểu học. Hạng mục: Cổng, hàng rào và các hạng mục phụ trợ	1,148	Số 56 15/12/2017 Xã	2018	980			420		420		200	220
	Tuyến kênh tưới đồng Trại Trũi	1,017	Số 3539 12/9/2018 Huyện	2018	836			281		281		180	101
	Tuyến kênh tưới trạm bơm số 2 đến đồng Trại Trũi	815	Số 4639 12/9/2018 Huyện	2018	670			125		125			125
	Xây dựng bồn hoa trên các tuyến đường	129	Số 87 28/7/2017 Xã	2017	115			25		25			25
	Đường GTND thôn Phú Quý	1,106	Số 20 15/9/2017 Huyện	2017	903			76		76			76

TT	Tên đơn vị, công trình	Dự toán được phê duyệt	Số Quyết định phê duyệt BCKTKT	Thời gian KC-HT	Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B	Giá trị quyết toán công trình phê duyệt	Số QĐ Quyết toán công trình (Nếu có)	Tổng nợ XDCB			Số tiền đã trả nợ các công trình XDCB 6 tháng năm 2019	Số tiền còn nợ XDCB đến tháng 30/6/2019
								Tổng số	Nợ XDCB trước ngày 31/12/2018	Nợ phát sinh trong năm 2019		
	Đường Giao thông nông thôn	9,217	Số 5333 28/9/2016 Huyện	2018	8,309			3,179	3,179		350	2,829
	Trường mầm non, nhà học 2 tầng, 4 lớp	5,032	Số 6240 20/10/2016 Huyện	2017	4,484	4,484	Số 273 23/01/2019 Huyện	584	584		50	534
	Nhà văn hóa xã	4,363	Số 6410 30/10/2015 Huyện	2017	4,072	4,072	Số 3252 31/7/2018 Huyện	10	10			10
	Kênh mương nội đồng	1,237	Số 5990 29/9/2017 Huyện	2017	1,071		Số 6132 14/12/2018 Huyện	71	71			71
	Trường tiểu học xã Đức Nhân: Cải tạo các hạng mục phụ trợ	1,288	Số 88 30/9/2017 Huyện	2017	973		Số 69 06/8/2018 Xã	172	172		120	52
	Đắp đất mở rộng nền đường NVH thôn Phú quý	155	Số 51 24/6/2017 Xã	2017	139			9	9			9
	Cống chào các tuyến đường trục thôn xóm	214	Số 70 26/8/2017 Xã	2017	208			18	18			18
	Mở rộng nền đường trục thôn và ngõ xóm	124	Số 62 18/7/2017 Xã	2017	104			14	14			14
	Đường GTND thôn Khang Ninh (NĐ 3)	1,247	Số 18 12/9/2017 Xã	2017	1,050			90	90			90
	Đường GTNT	1,164	Số 123 09/7/2014 Xã	2017	990			80	80			80
	Đường GTNT	2,418	Số 5357 29/10/2018 huyện	2019	2,027			2,027		2,027	1,665	362

TT	Tên đơn vị, công trình	Dự toán được phê duyệt	Số Quyết định phê duyệt BCKTKT	Thời gian KC-HT	Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B	Giá trị quyết toán công trình được phê duyệt	Số QĐ Quyết toán công trình (Nấu có)	Tổng nợ XD CB			Số tiền đã trả nợ các công trình XD CB 6 tháng năm 2019	Số tiền công nợ XD CB đến tháng 30/6/2019
								Tổng số	Trong đó			
								Nợ XD CB trước ngày 31/12/2018	Nợ phát sinh trong năm 2019			
	Cải tạo trạm y tế, hàng mục: Nhà 2 tầng, hàng rào, sân và các hạng mục phụ trợ	1,164	Số 69 30/10/2018 Xã	2019	767			767		767	696	71
	Kênh tưới đồng Nà thôn Phú Quý đoạn từ kênh C2 đến cây xăng	684	Số 3528 16/6/2017 huyện	2019	545			545	545	545	496	49
X	Xã Trung Lễ	24,392			5,709	16,088	Số 100 30/11/2015 Xã	2,141	1,465	676	486	1,655
	Nhà hiệu bộ trường tiểu học	2,960	Số 04 10/9/2011 Xã	2012		2,648	Số 7746 29/12/2017 huyện	146	146			146
	Trường mầm non xã	10,360	Số 4280 10/6/2015 huyện	2016		9,133	Số 94 15/8/2016 Xã	435	435			435
	Nhà ăn bán trú trường tiểu học	739	Số 77 20/10/2015 Xã	2016		711		68	68			68
	Nhà văn hóa xã	1,400	Số 20 22/6/2009 huyện	2010	1,363			88	88			88
	Hạ tầng khu dân cư vùng trụ sở NTM	2,303	Số 09 08/2/2013 Xã	2013		2,032	Số 95 15/8/2016 Xã	221	221			221
	Đắp đất nền đường, cống và mương thoát nước KDC Bắc Ngã Ba Lạc Thiện	946	Số 31 31/3/2016 Xã	2017	789			51	51			51
	Sân vườn và các hạng mục phụ trợ trường mầm non	1,063	Số 83 30/8/2016 Xã	2017		945	Số 29 17/5/2018 Xã	75	75			75

TT	Tên đơn vị, công trình	Dự toán được phê duyệt	Số Quyết định phê duyệt BCKTKT	Thời gian KC-HT	Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B	Giá trị quyết toán công trình phê duyệt	Số QĐ Quyết toán công trình (Nếu có)	Tổng nợ XDCB			Số tiền đã trả nợ các công trình XDCB 6 tháng năm 2019	Số tiền còn nợ XDCB đến tháng 30/6/2019
								Tổng số	Nợ XDCB trước ngày 31/12/2018	Nợ phát sinh trong năm 2019		
	Trường TGCS Lê Văn Thiêm (Sân, vườn, mương thoát nước)	711	Số 68 26/8/2016 xã	2017		619	Số 36 12/3/2019 xã	91	91			91
	Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường giao thông	676	Số 100 27/10/2018 xã	2018	676			676	0	676	458	218
	Trường mầm non xã (Nhà hiệu bộ)	2,094	Số 5913 07/10/2016 huyện	2018	1,897			191	191			191
	Đường GTNT xã Trung Lễ ( Trung Nam đến Trung Khánh)	1,140	Số 5709 20/9/2017 huyện	2017	984			99	99		28	71
XI	Xã Đức Dũng	30,429			28,235	18.979		6.014	5,422	592	1,450	4.564
	Đường vào khu chăn nuôi tập trung xã Đức Dũng	12,923	Số 3440 2014 huyện	2015	12,318	12,185		985	985			985
	Nhà học chức năng trường mầm non	1,019	Số 55 12/8/2011 xã	2011	890	871		81	81			81
	Nhà văn phòng trường mầm non	1,158	Số 07 25/01/2013 xã	2013	998	952		112	112			112
	Nâng cấp sửa chữa trạm bơm	1,461	Số 07 20/03/2013 xã	2014	1.079	1.079		249	249			249
	Nhà bếp, nhà trực, nhà xe trường MN	372	Số 25 16/01/2014 xã	2014	337	337		87	87			87
	Nâng cấp phòng học trường MN	479	Số 49 04/11/2014 xã	2014	416	416		116	116			116

TT	Tên đơn vị, công trình	Dự toán được phê duyệt	Số Quyết định phê duyệt BCKTKT	Thời gian KC-HT	Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B	Giá trị quyết toán công trình được phê duyệt	Số QĐ Quyết toán công trình (Nẫu có)	Tổng nợ XD CB				Số tiền đã trả nợ các công trình XD CB 6 tháng năm 2019	Số tiền còn nợ XD CB đến tháng 30/6/2019
								Tổng số	Trong đó		Số tiền đã trả nợ các công trình XD CB 6 tháng năm 2019		
									Nợ XD CB trước ngày 31/12/2018	Nợ phát sinh trong năm 2019			
	Sửa chữa trụ sở, sân bồn hoa	531	Số 16 23/3/2015 xã	2015	505			205	205			205	
	Nâng cấp kênh mương ( Trung Nam)	529	Số 45 08/5/2015 xã	2015	508			63	63			63	
	Nhà khám chữa bệnh trạm y tế xã Đức Dũng	2,233	Số 6718/12/2014 4 xã	2015	2,039			164	164			164	
	Nâng cấp sân vận động xã	1,198	Số 32 21/10/2017 xã	2017	930			354	354			354	
	Kênh mương nội dòng xã	915	Số 6201 27/10/2018 xã	2017	866	794		94	94			94	
	Sửa chữa, nâng cấp trường tiểu học	1,123	Số 33 05/7/2017 xã	2017	1,066			266	266			266	
	Sửa chữa, nâng cấp trường mầm non	1,103	Số 32 04/7/2017 xã		1,103			248	248			248	
	Cải tạo, nâng cấp chợ Giầy xã Đức Dũng	2,556	Số 35 14/8/2016 xã		2,556	2,345		579	579			579	
	Xây dựng tường rào trường Thanh Dũng	201	Số 100 27/10/2018 xã	2004	201			201	201			201	
	Đường GTNT thôn Đại Nam	171	Số 100 27/10/2018 xã	2017	141			141	141			141	
	Nhà vệ sinh trường TH	257	Số 100 27/10/2018 xã	2017	240			27	27			27	

TT	Tên đơn vị, công trình	Dự toán được phê duyệt	Số Quyết định phê duyệt BCKTKT	Thời gian KC-HT	Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B	Giá trị quyết toán công trình phê duyệt	Số QĐ Quyết toán công trình (Nếu có)	Tổng nợ XDCB			Số tiền đã trả nợ các công trình XDCB 6 tháng năm 2019	Số tiền còn nợ XDCB đến tháng 30/6/2019
								Tổng số	Nợ XDCB trước ngày 31/12/2018	Nợ phát sinh trong năm 2019		
	Nâng cấp công, hàng rào nhà ga ra xe 2 bánh trường tiểu học	1,103	Số 5709 20/9/2017 huyện	2019	1,024			1,024	650	374	650	374
	Nâng cấp cải tạo nhà đa chức năng, nhà hiệu bộ Trường tiểu học	1,097	Số 5709 20/9/2017 huyện	2019	1,018			1,018	800	218	800	218
XII	Xã Đức Lâm	17,004		24,187	15,161	10,662		1,171	1,171	0	0	1,171
	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học thành trạm y tế xã	1,248		2013	1,166	1,152		60	60			60
	Nhà học cấp IV trường MN	1,135		2014	1,076	1,057		61	61			61
	Đường GTNT thôn Trung Đại Lâm	1,178		2017	981	981		31	31			31
	Đường GTNT thôn Đồng Thanh Lâm	1,245		2017	1,048	1,048		35	35			35
	Đường GTND thôn Đồng Thanh Lâm	1,139		2017	1,030	995		25	25			25
	Kênh mương nội đồng xã Đức Lâm	2,790		2013	2,553	2,500		283	283			283
	Nhà học 2 tầng Trường MN xã Đức Lâm	3,214		2010	3,015	2,929		90	90			90
	Cải tạo trường tiểu học xã Đức Lâm	1,056		2017	946			146	146			146

TT	Tên đơn vị, công trình	Dự toán được phê duyệt	Số Quyết định phê duyệt BCKTKT	Thời gian KC-HT	Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B	Giá trị quyết toán công trình được phê duyệt	Số QĐ Quyết toán công trình (Nếu có)	Tổng nợ XD/CB				Số tiền đã trả nợ các công trình XD/CB 6 tháng năm 2019	Số tiền công nợ XD/CB đến tháng 30/6/2019
								Tổng số	Trong đó		Số tiền công nợ XD/CB 6 tháng năm 2019		
									Nợ XD/CB trước ngày 31/12/2018	Nợ phát sinh trong năm 2019			
	Cải tạo UBND xã Đức Lâm	992		2017	807			107	107			07	
	Sân vận động xã Đức Lâm	883		2016	650			111	111			11	
	Cải tạo nhà bia tưởng niệm	1,010		2018	896			96	96			96	
	Cải tạo trường MN khu vực II	1,114		2018	993			126	126			26	
XIII	<b>Xã Đức Thủy</b>	<b>17,926</b>			<b>28,195</b>	<b>15,715</b>		<b>1,663</b>	<b>1,663</b>	<b>0</b>	<b>389</b>	<b>1,274</b>	
	Nhà làm việc 2 tầng trụ sở xã	1,044			2,009	904		69	69			69	
	Nhà vệ sinh xã	314	Số 30 15/6/2012 Xã		2,012	254	Số 46 23/9/2013 Xã	33	33			33	
	Cải tạo hàng rào, cổng trường tiểu học	268	Số 24 14/9/2012 Xã		2,012	234	Số 49 19/9/2013 Xã	24	24			24	
	SC nhà cấp 4 trường tiểu học	298	Số 32 16/4/2013 Xã		2,013	235	Số 05 23/01/2014 Xã	85	85		85	0	
	Nâng cấp sân trường tiểu học	309	Số 70 10/2/2014 Xã		2,014	246	Số 89 14/12/2017 Xã	30	30			30	
	Đường GTND xóm 11-QL8A xã Đức Thủy	1,950	Số 237 12/2012 Xã		2,014	1,830	Số 130 20/1/2014 Xã	95	95			95	



TT	Tên đơn vị, công trình	Dự toán được phê duyệt	Số Quyết định phê duyệt BCKTKT	Thời gian KC-HT	Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B	Giá trị quyết toán công trình (Nếu có)	Số QĐ Quyết toán công trình (Nếu có)	Tổng nợ XDCB			Số tiền đã trả nợ các công trình XDCB 6 tháng năm 2019	Số tiền còn nợ XDCB đến tháng 30/6/2019
								Tổng số	Nợ XDCB trước ngày 31/12/2018	Nợ phát sinh trong năm 2019		
	Trạm y tế xã		Số 54 10/8/2007 xã	2007	372	372		94	94			94
	Nhà điều trị 2 tầng trạm y tế		Số 305 03/4/2016 huyện	2016	3.250			195	195			95
	Sân vận động xã		Số 18 20/7/2016 xã	2017	572	572		38	38			38
	Nhà văn hóa đa chức năng xã		Số 6300 20/10/2018 huyện	2018	2.999			434	434			434
XV	Xã Trường Sơn	14.133			12.869	3.516		5.682	3.112	2.570	4.115	1.567
	Đường GTNT xã Trường Sơn	4.148	Số 5084 huyện	2017 2018	3.771	3.516		717	717		600	17
	Đường GTND xã Trường Sơn	1.131	Số 6625 huyện	2016 2017	931			119	119			119
	Đường GTND thôn Ngõ Lối	884	Số 581 huyện	2018	735			350	350		280	70
	Đường GTND thôn Sâm Văn Hội	1.074	Số 6109 huyện	2018	893			399	399		320	79
	Đường GTND thôn Sâm Văn hội, Ngõ Lối	973	Số 6069 huyện	2018	734			376	376		300	76
	Trường tiểu học xã Trường Sơn: Nhà học 2 phòng	798	Số 65 xã	2018	798			378	378		342	36

TT	Tên đơn vị, công trình	Dự toán được phê duyệt	Số Quyết định phê duyệt BCKTKT	Thời gian KC-HT	Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B	Giá trị quyết toán công trình được phê duyệt	Số QĐ Quyết toán công trình (Nếu có)	Tổng nợ XD/CB				Số tiền đã trả nợ các công trình XD/CB 6 tháng năm 2019	Số tiền công nợ XD/CB đến tháng 30/6/2019
								Tổng số	Trong đó		Số tiền đã trả nợ các công trình XD/CB 6 tháng năm 2019		
									Nợ XD/CB trước ngày 31/12/2018	Nợ phát sinh trong năm 2019			
	Dường GTND xóm 1 - xóm 2 xã Đức Thủy	1.411	Số 174 12/6/2013 xã	.	2.014	1.318	Số 3331 12/2014 huyện	112	112			112	
	Kênh tiêu úng từ ngõ anh Nam - K19/5	875	Số 180 12/6/2013 xã		2.013	807	Số 2282 19/9/2014 huyện	87	87			87	0
	Nhà học 6 phòng 2 tầng trường MN	4.651	Số 3269 7/2014 xã		2.015	3.822	Số 5143 20/9/2016 xã	203	203			203	203
	Nhà học 8 phòng 2 tầng trường tiểu học	3.622	Số 2224 3/2016 xã		2.016	3.353	Số 217 19/01/2017 xã	336	336			336	336
	SC nhà cấp 4, sân, hàng rào trường Mầm non	541	Số 72 20/10/2015 xã		2.015	408	Số 88 14/12/2017 xã	37	37			37	37
	Đường GTND thôn Văn Xá	1.384	Số 64 20/7/2016 xã		2.016	1.181	Số 25 29/3/2018 xã	288	288			288	288
	Hàng rào sân vận động xã	273	Số 47 23/6/2017 xã		2.017	241		47	47			47	47
	Nhà giao dịch một cửa, nhà truyền thống của xã	986	0230 11/6/2015 xã		2.015	882	Số 17 15/02/2017 xã	217	217			217	0
XIV	Xã Đức Lập				7.755	1.506	0	995	995	0	0	995	995
	Khuôn viên trụ sở			2010	453	453		153	153			153	153
	Nhà trực bảo vệ UB		Số 16 25/3/2010 xã	2007	109	109		81	81			81	81

TT	Tên đơn vị, công trình	Dự toán được phê duyệt	Số Quyết định phê duyệt BCKTKT	Thời gian KC-HT	Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B	Giá trị quyết toán công trình phê duyệt	Số QĐ Quyết toán công trình (Nếu có)	Tổng nợ XD/CB			Số tiền đã trả nợ các công trình XD/CB 6 tháng năm 2019	Số tiền còn nợ XD/CB đến tháng 30/6/2019
								Tổng số	Nợ XD/CB trước ngày 31/12/2018	Nợ phát sinh trong năm 2019		
	Trụ sở UBND xã: Nhà làm việc 2 tầng	2,375	Số 2044 huyện	2018	2,257			773	773		773	0
	Trường tiểu học xã Trường Sơn: Nhà hiệu bộ 2 tầng	2,750	Số 2093 huyện	2019	2,750			2,570		2,570	1,500	1,070
XVI	<b>Xã Đức Long</b>	<b>5,939</b>			<b>5,612</b>			<b>3,832</b>	<b>2,644</b>	<b>1,188</b>	<b>1,100</b>	<b>2,732</b>
	Nhà ăn bán trú trường tiểu học	1,091		2017	891			1,091	1,091		700	391
	Hạ tầng đất ở KDC năm 2018	1,188		2019	1,188			1,188		1,188		1,188
	Nâng cấp các hạng mục trường Tiểu học	882		2018	882			382	382		200	182
	Nhà thư viện trường THCS Đậu Quang Lĩnh	839		2018	839			539	539			539
	Nâng cấp các hạng mục phụ trợ trường MN	631		2018	631			331	331		200	131
	Cải tạo các hạng mục phụ trợ trường tiểu học 2013	1,308		2014	1,181			301	301			601
XVII	<b>Xã Đức An</b>	<b>8,634</b>			<b>8,045</b>			<b>1,734</b>	<b>1,734</b>	<b>0</b>	<b>912</b>	<b>822</b>
	Nhà xe, công, hàng rào trạm y tế	330		2015	292		Số 120 24/4/2019	291	203	203		203

TT	Tên đơn vị, công trình	Dự toán được phê duyệt	Số Quyết định phê duyệt BCKTKT	Thời gian KC-HTT	Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B	Giá trị quyết toán công trình được phê duyệt	Số QĐ Quyết toán công trình (Nếu có)	Tổng nợ XD/CB				Số tiền đã trả nợ các công trình XD/CB 6 tháng năm 2019	Số tiền còn nợ XD/CB đến tháng 30/6/2019
								Tổng số	Trong đó		Số tiền còn nợ		
									Nợ XD/CB trước ngày 31/12/2018	Nợ phát sinh trong năm 2019			
	Nhà đa chức năng trường MN xã Đức An	2.507	Số 34 12/11/2017 xã	2017 2018	2.320	2.320	Số 382 25/12/2018	1.131	1.131		912	219	
	Chợ chạy xã Đức An	808	Số 265 11/8/2017 xã	2017	770	717	Số 382 25/12/2018	182	182			182	
	Nhà văn hóa xã Đ. An	2.052	Số 33 31/10/2014 xã	2014 2015	1.928	1.928	Số 117 24/4/2019	74	74			74	
	Nhà khám 2 tầng trạm y tế xã	2.440	Số 05 12/02/2014 xã	2014	2.238	2.238	Số 119 24/4/2019	61	61			61	
	San nền hàng rào trường MN	497	Số 22 11/4/2014 xã	2013	497	458	Số 118 24/4/2019	83	83			83	
XVIII	Xã Bùi Xá	6.275			5.591	5.258		942	942	0	51	891	
	Nhà chức năng và các hạng mục phụ trợ Trường MN	2.015		2012	1.875	1.850		355	355			355	
	San nền hàng rào trường MN	609		2012	524	522		132	132			132	
	San nền, sân, muông thoát nước, nhà vệ sinh mái che trụ sở xã đợt 1	1.060		2016 2017	928	928		74	74			74	
	Công hàng rào trước và một bên trụ sở xã	710		2017	634	593		193	193			193	
	Sân, muông thoát nước, tường rào sau trụ sở xã Bùi Xá đợt 2	1.215		2018	1.094	860		77	77			77	

TT	Tên đơn vị, công trình	Dự toán được phê duyệt	Số Quyết định phê duyệt BCKTKT	Thời gian KC-HT	Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B	Giá trị quyết toán công trình được phê duyệt	Số QĐ Quyết toán công trình (Nếu có)	Tổng nợ XDCB			Số tiền đã trả nợ các công trình XDCB 6 (tháng năm 2019)	Số tiền còn nợ XDCB đến tháng 30/6/2019
								Tổng số	Nợ XDCB trước ngày 31/12/2018	Nợ phát sinh trong năm 2019		
	Trường tiểu học xã Đức Châu. Hàng mục: Nhà trực., nhà vệ sinh	308			308	308		57	57			57
XXI	Xã Đức Vĩnh	14,124			12,736	2,907		887	887	0	693	94
	Trụ sở UBND xã	4,967	Số 4230 năm 2017 huyện	2017 2018	4,662			402	402		340	62
	San nền, hàng rào, công khu trung tâm xã	4,244	Số 4896 năm 2016 huyện	2016 2017	3,712			160	160		130	30
	Nhà bia tưởng niệm	730	Số 5135 năm 2017 huyện	2017 2017	654			160	160		139	21
	Nhà giao dịch một cửa, nhà truyền thống của xã	924	Số 2686 năm 2017 huyện	2017 2017	801			101	101		84	17
	Trạm y tế xã	3,259	Số 4951 năm 2015 huyện	2015 2016	2,907	2,907	Số 3235 ngày 30/7/2018	64	64			64
XXII	Xã Đức Tùng	7,198			4,692	1,882		1,009	1,009	0	0	1,009
	Đường bê tông PTSX Văn Khang	1,998				1,882		97	97			97
	Đường Liên thôn Tân An	2,995	Số 03 20/11/2014	2015	2,656			156	156			156
	Nâng cấp mở rộng đường trục xã	1,025	Số 46 21/5/2018	2018	919			239	239			239
	Nâng cấp mở rộng đường ND 7	1,180	Số 36 18/4/2018	2019	1,117			517	517			517

TT	Tên đơn vị, công trình	Dự toán được phê duyệt	Số Quyết định phê duyệt BCKTKT	Thời gian KC-HT	Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B	Giá trị quyết toán công trình phê duyệt	Số QĐ Quyết toán công trình (Nếu có)	Tổng nợ XDGB				Số tiền đã trả nợ các công trình XDGB 6 tháng năm 2019	Số tiền còn nợ XDGB đến tháng 30/6/2019
								Tổng số	Trong đó				
								Nợ XDGB trước ngày 31/12/2018	Nợ phát sinh trong năm 2019				
	Cải tạo, nâng cấp sân vận động xã Bùi XÃ	666		2017	536	505		111	111		51	60	
XIX	Xã Yên Hồ	11,612			10,865			1,602	1,602	0	696	906	
	Nghĩa trang Làng Nghệ xã Yên Hồ	996	Xã	2017 2018	956			850	850		696	154	
	Nhà văn hóa kiêm nhà giao dịch một cửa xã Yên Hồ	4,279	Huyện	2018 2018	3,760			89	89			89	
	Khu vui chơi giải trí cho trẻ em và người già	1,147	Xã	2018	1,147			305	305			305	
	Chi phí xây dựng bồn hoa dọc đường trục chính, nhà VH các thôn xã Yên Hồ	765	Xã	2017 2018	684			84	84			84	
	Chi phí xây dựng nhà học bộ môn trường THCS Nguyễn Biểu	4,425	Huyện	2017 2018	4,318			274	274			274	
XX	Xã Đức Châu	1,737			1,592	1,573		418	418	0	145	273	
	Phòng giáo dục thể chất trường tiểu học	552	Số 48 ngày 6/8/2014	2015	542	531	Số 05 11/12/2017	145	145		145	0	
	Trường MN nhà học 3 phòng	325	Số 56 ngày 17/10/2014		278	270		132	132			132	
	Trạm y tế xã Đức Châu	552		2014 2015	464	464	Số 18 ngày 20/6/2015	84	84			84	

TT	Tên đơn vị, công trình	Dự toán được phê duyệt	Số Quyết định phê duyệt BCKTKT	Thời gian KC-HT	Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B	Giá trị quyết toán công trình phê duyệt	Số QĐ Quyết toán công trình (Nếu có)	Tổng nợ XDCB			Số tiền đã trả nợ các công trình XDCB 6 tháng năm 2019	Số tiền còn nợ XDCB đến tháng 30/6/2019
								Tổng số	Nợ XDCB trước ngày 31/12/2018	Nợ phát sinh trong năm 2019		
XXIII	Xã Đức Lạc	2,643			2,555			1,025	1,025	0	0	1,025
	Sân nền trường tiểu học	487	Số 3236 18/9/2013	2017	488			124	124			24
	Cổng hàng rào trường tiểu học	370	Số 3237 18/9/2013	2017	370			120	120			20
	Đường GTND xã Đức Lạc	858	Số 16 10/3/2017	2017	769			331	331			331
	Đường bê tông GTNT thôn Thị Hòa	928	Số 104 14/12/2017	2017	928			450	450			450
XXIV	Xã Tân Hương							120	120	0	120	0
	Đường GTNT thôn Tân Nhân							48	48		48	0
	Đường GTNT tuyến từ Phường Hội đến ngõ Phan Thiết							72	72		72	0
XXV	Xã Đức Thanh	26,329		32,275	24,064	3,945		9,248	9,248	0	1,396	7,852
	Nhà vệ sinh trường THCS Thanh Dũng	357	Số 57 06/9/2018	2018	327			71	71			71
	Trường THCS Thanh Dũng (Nhà hiệu bộ QT GD I	2,665	Số 67 12/9/2016	2016	2,569			544	544			544

TT	Tên đơn vị, công trình	Dự toán được phê duyệt	Số Quyết định phê duyệt BCKTKT	Thời gian KC-ITT	Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B	Giá trị quyết toán công trình được phê duyệt	Số QĐ Quyết toán công trình (Nếu có)	Tổng nợ XD/CB				Số tiền đã trả nợ các công trình XD/CB 6 tháng năm 2019	Số tiền còn nợ XD/CB tính tháng 30/6/2019
								Tổng số	Trong đó		Số tiền đã trả nợ các công trình XD/CB 6 tháng năm 2019		
									Nợ XD/CB trước ngày 31/12/2018	Nợ phát sinh trong năm 2019			
	Sân vận động xã	875		2016	567			250	250		250	0	
	Công, hàng rào ủy ban	573		2016	495			75	75		75	75	
	Sửa chữa nhà UB	808		2016	509			61	61		61	61	
	Trường Mầm non	915		2016	829	822	Số 119 30/10/2017	132	132		132	0	
	Nhà văn hóa xã	2,502	Số 6626 21/10/2016	2016 2017	2,255			270	270		68	202	
	Trụ sở UBND xã: Sân lát gạch Terazo, bồn hoa, sân vận động xã, hàng rào trạm y tế	1,099	Số 50 12/9/2016	2016 2017	1,038			405	405		300	105	
	Nhà truyền thống, nhà giao dịch 1 cửa, các phòng ban, ga ra xe 2 bánh	763	Số 51 12/5/2017	2017	673			172	172		35	137	
	Cải tạo nhà làm việc 2 tầng, khuôn viên trước công trụ sở	887	Số 67 29/12/2017	2018	808			753	753		200	553	
	Nhà bia tường niệm	637	Số 26 23/4/2018	2018	584			363	363			363	
	Đường Liên thôn 3	1,145	Số 61 30/8/2018	2018	1,037			1,037	1,037		150	887	
	Đắp đất nền đường trục xã	835	Số 14 12/4/2018	2018	800			200	200			200	
	Đường GTNT xóm mới	1,099	Số 62 27/10/2017	2017 2018	1,002			1,002	1,002			1,002	



TT	Tên đơn vị, công trình	Dự toán được phê duyệt	Số Quyết định phê duyệt BCKTKT	Thời gian KC-HT	Giá trị nghiệm thu hoàn thành A-B	Giá trị quyết toán công trình được phê duyệt	Số QĐ Quyết toán công trình (Nếu có)	Tổng nợ NDCB			Số tiền đã trả nợ các công trình NDCB 6 tháng năm 2019	Số tiền còn nợ NDCB đến tháng 30/6/2019
								Tổng số	Trong đó			
									Nợ NDCB trước ngày 31/12/2018	Nợ phát sinh trong năm 2019		
	Đường GTNT Thanh Đình	1,162	Số 5713 22/9/2017	2017	1,037			1,037			1,037	
	Trạm bơm thôn Thanh Trung	1,004	Số 65 22/10/2018	2018 2019	949			949	949		120	829
	Kênh mương nội đồng	991	Số 67 17/9/2018		903	890	Số 1950 6/4/2018	38	38		21	17
	Đường GTNT Đại Lợi - Thanh Trung - Thanh Đình	2,223	Số 31 24/4/2018	2018	2,233	2,233	Số 104 22/12/2018	886	886		120	766
	Đường GTNT (thôn Thanh Đình) đến thôn Thanh Trung gói thầu 1	1,162	Số 5713 21/9/2017	2017 2018	1,107			154	154			154
	Đường GTNT (thôn Thanh Đình) đến thôn Thanh Trung gói thầu 2	1,192	Số 6053 03/10/2017	2018	1,135			334	334			334
	Nâng cấp cải tạo trường THCS Thanh Dũng: Hàng rào, mương thoát nước	1,082	Số 5041 01/9/2017	2017 2018	1,031			130	130			130
	Nhà vệ sinh trường tiểu học	335	Số 58 06/9/2018	2018	307			82	82			82
	Nâng cấp cải tạo trường tiểu học: Nhà học 2 tầng, 12 phòng, ga ra xe 2 bánh, hàng rào	901	Số 5139 11/9/2017	2017 2018	858			93	93			93
	Nâng cao cấp cải tạo trường tiểu học: Sân đường, bồn hoa, bó vỉa	1,117	Số 5066 05/9/2017	2017	1,011			210	210			210
XXVI	Nã Đừe La							768	768			768

